

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 03- 6 -2021.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hên Thị Hồng Xinh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 19 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Cao Hoàng P, sinh năm 19XX (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P chung sống với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/01/2003. Lúc đầu cuộc sống gia đình rất hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian từ năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước, vợ chồng không có sự đồng cảm, cả hai đều không có thiện chí hàn gắn. Bà L và ông P đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P có hai người con chung tên Cao Huy L (nam), sinh ngày 07/5/20XX và Cao Đại P1 (nam), sinh ngày 04/4/20XX. Hiện nay hai con đang sống chung với cha là ông Cao Hoàng P.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông, bà không có tài sản chung.

+ Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông, bà không có nợ chung.

Nay bà Trần Thị Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh L yêu cầu được ly hôn với ông Cao Hoàng P.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thanh L đồng ý giao hai người con chung là: Cao Huy L (nam), sinh ngày 07/5/20XX và Cao Đại P1 (nam), sinh ngày 04/4/20XX cho ông Cao Hoàng P tiếp tục nuôi dưỡng đến khi hai con đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Thanh L không cấp dưỡng cho hai

con Cao Huy L và Cao Đại P1.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thanh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tường trình đề ngày 26/02/2021, bị đơn ông Cao Hoàng P trình bày:

Ông Cao Hoàng P thống nhất với lời trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay và hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn tình cảm. Ông Cao Hoàng P đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thanh L vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có hai người con chung là: Cao Huy L (nam), sinh ngày 07/5/20XX và Cao Đại P1 (nam), sinh ngày 04/4/20XX. Ông Cao Hoàng P đề nghị cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là: Cao Huy L (nam), sinh ngày 07/5/20XX và Cao Đại P1 (nam), sinh ngày 04/4/20XX cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Cao Hoàng P không yêu cầu bà Trần Thị Thanh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống ông Cao Hoàng P và bà Trần Thị Thanh L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông Cao Hoàng P không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Do giữa bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, về con chung:

hiện nay 02 con chung đang được ông P trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường, cuộc sống ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng và bà L không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: do ông, bà đều cho rằng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông bà vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có sự đồng cảm với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, ông bà đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L cho bà Lan được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P có 02 người con tên Cao Huy L (nam), sinh ngày 07/5/20XX và Cao Đại P1 (nam), sinh ngày 04/4/20XX. Từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay

thì ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu L và P1. Sau khi ly hôn, bà L đồng ý giao hai con chung tên Cao Huy L (nam), sinh ngày 07/5/20XX và Cao Đại P1 (nam), sinh ngày 04/4/20XX cho ông P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Tại tờ tường trình ngày 26/02/2021 ông Cao Hoàng P đề nghị cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cháu P1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà L và ông P sống ly thân đến nay thì ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cháu P1, cuộc sống của các cháu đang ổn định và hiện nay các cháu phát triển bình thường. Đồng thời, theo ý kiến của cháu L, cháu P1 tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 08/4/2021, cháu L, cháu P1 cũng có nguyện vọng được trực tiếp sống chung với cha là ông P. Do đó nhằm để ổn định cuộc sống, việc học tập cũng như tâm lý của cháu L, cháu P1 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho ông Cao Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cháu P1 cho đến tuổi trưởng thành. Nên yêu cầu của bà L về việc giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Cao Hoàng P không yêu cầu bà Trần Thị Thanh L cấp dưỡng nuôi cháu L, cháu P1. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P tự trình bày trong thời gian chung sống ông, bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P tự trình bày ông, bà không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh L phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thanh L với ông Cao Hoàng P.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Huy L (nam), sinh ngày 07/5/20XX và Cao Đại P1 (nam), sinh ngày 04/4/20XX cho ông Cao Hoàng P nuôi dưỡng cho đến khi cháu L và cháu P1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Thanh L không cấp dưỡng cho cháu L và cháu P1.

Bà Trần Thị Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cao Huy L (nam), sinh ngày 07/5/20XX và Cao Đại P1 (nam), sinh ngày 04/4/20XX mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P trình bày trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Thanh L và ông Cao Hoàng P trình bày ông bà không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Thanh L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009579 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường D, thành phố ST
Tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Thanh Loan

